

TÓM TẮT BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

TS. Nguyễn Dũng

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của công tác Kiểm định chất lượng, từ năm học 2004-2005, trường ĐHDL Văn Lang đã chuẩn bị tinh thần tham gia hoạt động này qua việc theo dõi thông tin của các trường tham gia đợt 1, chuẩn bị cán bộ và cử đi học các chương trình có liên quan. Năm học 2005-2006, sau khi nhận quyết định số 8826/BGD&ĐT-KT&KĐ của Bộ Giáo dục & Đào tạo ký ngày 29/9/2005, v/v triển khai đợt 2 kiểm định chất lượng tại 10 trường Đại học, trong đó có trường ĐHDL Văn Lang, nhà trường đã sẵn sàng, và coi đó là một nhiệm vụ trọng tâm của năm học.

1. Nhằm đảm bảo **quá trình tự đánh giá** được nhận thức đúng đắn và quán triệt đến tất cả các thành phần, trường đã phổ biến chủ trương tự đánh giá đến giảng viên (tại Hội nghị giảng viên ngày 26/2/2006); Đảng ủy (phiên họp ngày 27/2/2006); toàn thể cán bộ lãnh đạo nhà trường (phiên họp ngày 1/3/2006); toàn thể cán bộ, nhân viên (họp giao ban tại các đơn vị tuần đầu và tuần thứ hai của tháng 3/2006) và sinh viên học sinh (Mạng thông tin nội bộ và bảng tin). Website trường mở trang “Tự đánh giá chất lượng”(3/3/2006), giới thiệu các văn bản, các tiêu chuẩn và tiêu chí, kế hoạch, hỏi/đáp, trao đổi ý kiến; động viên mọi người tham gia tìm hiểu về KĐCL (đặc biệt là về Tự đánh giá) và cùng cung cấp thông tin, minh chứng.

Cũng trong tháng 3/2006, Hiệu trưởng nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường và gửi văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (4/3/2006). Hội đồng Tự đánh giá đã họp (8/3/2006) thảo luận Dự thảo kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, thành lập ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Trường đã tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt của trường, khoa, phòng, ban... (15/3/2006, do các thành viên của Hội đồng đã tham gia tập huấn thực hiện); dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá; trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thu thập thông tin, minh chứng.

Hoạt động Tự đánh giá đã được triển khai đồng bộ cho toàn bộ máy của nhà trường, đã huy động được các thành phần cùng tham gia. Do đó, đến tháng 8/2006, sau gần 6 tháng thực hiện, cùng với sự giúp đỡ của các chuyên gia tư vấn, báo cáo Tự đánh giá đã cơ bản hoàn thành. Thực sự được đầu tư thời gian, công sức, báo cáo đã đánh giá được tổng thể các hoạt động của nhà trường theo yêu cầu của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng, đồng thời thể hiện được nét đặc thù của mô hình trường ngoài công lập.

2. Trong 53 tiêu chí của 10 tiêu chuẩn, trường có 39/53 tiêu chí đạt mức 2, có 13/53 tiêu chí đạt mức 1, và có 1 tiêu chí đạt mức 0. Cụ thể:

Tiêu chuẩn	Số TC đạt mức 2	Số TC đạt mức 1	Số TC đạt mức 0
1. Sứ mạng, mục tiêu (2 tiêu chí)	2		
2. Tổ chức và quản lý (5 tiêu chí)	4	1	
3. Chương trình đào tạo (4 tiêu chí)	3	1	
4. Các hoạt động đào tạo (5 tiêu chí)	3	2	
5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (10 tiêu chí)	7	3	
6. Người học (9 tiêu chí)	8	1	
7. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (5 tiêu chí)	3	2	
8. Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	2	1	
9. Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất (7 tiêu chí)	4	2	1
10. Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)	3		
Tổng cộng: 10 tiêu chuẩn, 53 tiêu chí	39	13	1

3. **Các điểm mạnh** nổi bật của trường thể hiện tập trung ở tiêu chuẩn 1, 6, 10; phần còn lại nằm ở tiêu chuẩn 2, 3 và 9. Thực chất đây cũng là những điểm mạnh được nhắc tới từ trước đến nay, hệ thống tiêu chuẩn kiểm định đã giúp trường nhận định chính xác hơn các thế mạnh này.

Sứ mạng của trường phù hợp, gắn kết chặt chẽ với sự phát triển của khu vực TP. HCM và cả nước. Sứ mạng của nhà trường đã được xác định và tuyên bố một cách rõ ràng qua các văn bản, trong đó nổi

bật các tiêu chí: đáp ứng chủ trương xã hội hóa giáo dục, bồi dưỡng nhân lực, nâng cao chất lượng đào tạo. Mục tiêu của nhà trường được rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với năng lực, nhu cầu đào tạo và định hướng phát triển của nhà trường; quá trình này được thực hiện thành quy trình và thường xuyên.

Trong quá trình thực hiện sứ mạng và mục tiêu đào tạo, nhà trường đặc biệt quan tâm đến người học. Trường ĐHDL Văn Lang đã có những biện pháp cụ thể để làm tốt công tác đối với người học nhằm

đảm bảo quyền, thúc đẩy, tạo điều kiện cho người học tu dưỡng, rèn luyện và đạt kết quả cao trong học tập. Quan niệm “đội ngũ sinh viên, học sinh là tài sản quý giá nhất của trường” đã được thể hiện trong mọi hoạt động, quán triệt đến mọi thành phần trong trường và đã mang lại kết quả. Người học có phẩm chất năng động, sáng tạo, có ước mơ và lòng tự tin. Khảo sát thực tế cho thấy người học thực sự đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động khi tốt nghiệp.

Là một trường dân lập, hoạt động hoàn toàn dựa vào các nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước, việc tạo ra, sử dụng hiệu quả và quản lý tốt các nguồn tài chính là một trong những điều kiện quyết định sự tồn tại và phát triển của nhà trường. Các nguồn tài chính của trường đều hợp pháp, sử dụng đúng mục đích, tập trung phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường, tiết kiệm và hiệu quả. Kết quả lớn nhất của nỗ lực thực hiện chiến lược khai thác các nguồn tài chính là sau 10 năm hoạt động, từ chỗ không có gì, phải thuê mượn địa điểm, trường đã hoàn toàn làm chủ 2 cơ sở đảm bảo đào tạo 10.000 sinh viên, trong đó có một nửa là xây mới, đảm bảo tiêu chuẩn cao của học đường. Trường có quy định riêng về quản lý tài chính. Kế hoạch tài chính được lập sát thực tế. Công tác quản lý được tin học hoá hoàn toàn, được chuẩn hoá theo các quy định của Nhà nước. Kết quả hoạt động tài chính hàng năm đều được kiểm toán độc lập và được công khai.

Về mặt tổ chức quản lý, cơ cấu tổ chức của nhà trường gọn, linh hoạt, phù hợp với thực tế, phát huy được thế mạnh của trường. Bộ máy tổ chức vận hành có kiểm soát. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường được cơ quan chủ quản phê duyệt, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của trường. Về mặt đào tạo, nhà trường chú trọng đến xây dựng chương trình theo đúng quy định, phù hợp với trình độ của người học, với mục tiêu đào tạo của nhà trường. Chương trình đào tạo của trường tương đối linh hoạt và gắn kết với đòi hỏi của thị trường lao động, được cập nhật theo sự phản hồi từ các nhà tuyển dụng, từ người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục, thực hiện sứ mạng của nhà trường và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển KT- XH của khu vực TP. HCM và cả nước. Về mặt trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất, trong điều kiện không có tài trợ từ ngân sách, trường vẫn có những đầu tư nghiêm túc và lâu dài cho trường sở, đảm bảo điều kiện học tập ở mức độ tốt cho người học. Trang thiết bị cho đào tạo được đầu tư theo thực tế, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu, được khai thác và sử dụng hiệu quả. Mạng máy tính được khai thác tốt, trở thành công cụ hỗ trợ điều hành và các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo.

4. Các tồn tại của trường được xác định trong nhiều tiêu chí, chủ yếu nằm ở tiêu chuẩn 5 và 7, một phần ở tiêu chuẩn 9. Ngoài những tồn tại đã được lập kế hoạch khắc phục, có những tồn tại lớn, thấy được nguyên nhân nhưng chưa thể khắc phục được ngay trong thời gian tới.

Trong tiêu chuẩn 5, việc xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu của trường là một tồn tại không dễ khắc phục, trong khi đối với các trường công lập, đây là một thuận lợi cơ bản. Nguồn kinh phí của nhà trường không đủ dồi dào để có thể đầu tư đào tạo dài hơi hơn cho cán bộ - giảng viên, trong khi loại hình và danh tiếng của nhà trường chưa đủ để giữ chân những người đã được đào tạo cũng như hấp dẫn những người mới. Khoảng cách giữa đội ngũ giảng viên cơ hữu trẻ của trường và giảng viên thỉnh giảng có thâm niên là khá lớn, lớp giảng viên kế thừa ở độ tuổi sung mãn về chuyên môn nghề nghiệp mỏng và thường xuyên biến động.

Trong tiêu chuẩn 7, nếu chỉ tính đếm khối lượng hoạt động khoa học và công nghệ trên cơ sở triển khai kế hoạch theo hướng dẫn và đánh giá số lượng công trình, bài báo thì nhà trường sẽ rất khó khăn – gần như không thể - đạt mức đánh giá của tiêu chuẩn này. Đây là hoạt động được nhà trường nhận thức là quan trọng nhưng đầy khó khăn trong thực tế mô hình trường ngoài công lập. Việc xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ tại trường không thể thực hiện theo thông lệ như tại các trường công lập vì không được cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước. Toàn bộ kinh phí hoạt động khoa học và công nghệ do trường tự lo, trên cơ sở cân đối các nguồn lực và khai thác hiệu quả của các hoạt động này đóng góp vào thực tế phát triển của nhà trường. Thực tế, tỷ lệ các đề tài có ứng dụng hiệu quả của trường rất

cao, nhưng nếu tính theo mức yêu cầu của tiêu chí thì không đạt.

Trong tiêu chuẩn 9, tiêu chí 9.5, ký túc xá và sân bãi cho các hoạt động thể thao là một tồn tại lớn, và kế hoạch khắc phục tồn tại này, dù có, cũng không dễ thực hiện, vì còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác. Nhà trường đã khắc phục tồn tại này trong nhiều năm qua bằng các biện pháp hỗ trợ người học, và thực tế trong thời gian trước mắt cũng chỉ phần đầu ở mức độ nâng cao hiệu quả của các hình thức hỗ trợ đó. Vì chưa có ký túc xá nên tiêu chí này trường tự đánh giá không đạt mức 1.

Các tồn tại chủ yếu trên, ngoài những nỗ lực cố gắng của bản thân nhà trường, cần có thêm những biện pháp đồng bộ của cơ chế, cần có thời gian để trường phát triển và trường thành thì mới có thể khắc phục được. Một chiến lược phát triển dài hạn ở đây là cần thiết. Nhưng trong tình hình thực tế hiện nay, khi nhà trường đang đứng trước những yêu cầu chuyển đổi loại hình, và bản thân nguồn lực cũng đang còn hạn chế, việc xây dựng một chiến lược dài hạn tỏ ra thiếu những căn cứ cần thiết. Có thể, trong thời gian tới, những điều kiện để xây dựng một kế hoạch chiến lược dài hạn hơn sẽ xuất hiện. Trường nhận thức rõ điều này, và có những bước chuẩn bị cần thiết.

5. Trong **Kế hoạch phát triển** của nhà trường có thể điểm lại một số nét chính:

a. Quán triệt sứ mạng, định kỳ rà soát mục tiêu của trường 1-2 năm/lần, theo sát chiến lược phát

triển của thành phố và định hướng, quy mô phát triển của nền giáo dục cả nước.

b. Thường xuyên rà soát tính thực tế của cơ cấu tổ chức nhà trường và điều chỉnh kịp thời. Ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong hoạt động đào tạo và điều hành. Xây dựng cổng thông tin cho giảng viên – sinh viên, áp dụng các công nghệ thi trắc nghiệm hiện đại; tiến tới tổ chức đào tạo theo tín chỉ. Hoàn chỉnh quy trình khảo sát hoạt động đào tạo từ nhiều phía (Cựu SV, GV, người học tiềm năng...). Cũng cố hoạt động cựu sinh viên.

c. Hoàn thiện cơ chế và đẩy mạnh đầu tư tài chính để tạo điều kiện thu hút và gìn giữ giảng viên có năng lực làm nòng cốt phát triển đội ngũ giảng viên cơ hữu. Tiếp tục tăng cường các hoạt động đào tạo. Chủ động xây dựng và triển khai hoạt động khoa học và công nghệ, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc trưng của nhà trường.

d. Tiếp tục thực hiện các thủ tục giải phóng mặt bằng khu đất của trường ở Gò Vấp, ưu tiên xây ký túc xá và sân bãi thể thao cho người học.

e. Tìm giải pháp tài chính tăng nguồn vốn chủ đầu tư trong năm 2006. Đầu tư mạnh cho NCKH thông qua các ngành có thế mạnh của trường, trong vòng 3 năm tới tăng tỷ lệ thu từ NCKH lên 10% tổng nguồn thu.

Đối với trường ĐHDL Văn Lang, quá trình Tự đánh giá thực sự là một hoạt động thiết thực và là một cơ hội để tự nhận thức, chỉ ra được những điểm mạnh và điểm yếu của nhà trường. Báo cáo Tự đánh giá đã mô tả được thực trạng nhà trường như một mô hình trường đại học mới mẻ, đang trong thời gian đầu phát triển và đang trải qua những điều chỉnh quan trọng. Bản tóm tắt này cố gắng thể hiện những nét chính của Báo cáo, nhưng việc tiếp xúc trực tiếp với bản Báo cáo chắc chắn sẽ cung cấp những thông tin chi tiết, chính xác và định lượng hơn.

Tp.Hồ Chí Minh, 24. 8. 2006

TS. Nguyễn Dũng
Hiệu trưởng
Chủ tịch Hội đồng Tự đánh giá